

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, mã số chuyên ngành: 9229010.02

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại

học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Lịch sử và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: LỊCH SỬ

MÃ SỐ : 9229010.02

CHUYÊN NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2882/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

+ Tên tiếng Anh: History of the Communist Party of Vietnam

- Tên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Lịch sử

+ Tên tiếng Anh: History

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9229010.02

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: 3 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Lịch sử

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in History

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trình độ cao về lý thuyết và thực hành, chuyên sâu về lịch sử Đảng, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có kiến thức chuyên sâu về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lịch sử cách mạng Việt Nam; có năng lực vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức của ngành và chuyên ngành vào trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn; có tinh thần trách nhiệm cao, làm việc chuyên nghiệp, khoa học, phù hợp với các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển thông qua việc đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành/chuyên ngành phù hợp 1;

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc trường hợp khác (nếu có);

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu

Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng kí dự tuyển.

Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu. Riêng thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo

khoa học đăng tại kỷ yếu các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư ngành/liên ngành công nhận.

Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ.

Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá ứng viên dự tuyển về:

- Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

- Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có).

- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, một phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- + Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- + Có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và

ĐHQGHN chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có).

3.2.4. Yêu cầu khác

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3.3. Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: Lịch sử, Sư phạm lịch sử, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

- Ngành phù hợp 2:

+ Các ngành trong nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn;

+ Các ngành: Lưu trữ học, khoa học thư viện, Khoa học Thông tin – Thư viện, Việt Nam học, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Lịch sử nghệ thuật quân sự, Quan hệ quốc tế.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	Học phần	Số tín chỉ
1.	Vấn đề biên giới, lãnh thổ và chủ quyền biển đảo của Việt Nam – Từ lịch sử đến hiện tại	3
2.	Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng	2

STT	Học phần	Số tín chỉ
3.	Đường lối quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam	2
4.	Đảng với vấn đề ruộng đất và nông nghiệp, nông thôn qua các thời kì cách mạng	2
Tổng cộng		9

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến tuyển sinh từ 3-5 NCS/ 1 năm)
- Kế hoạch tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

- Luận án phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lí luận hoặc thực tiễn đang đặt ra, góp phần xây dựng, hình thành khung lí thuyết mới, hệ tư tưởng mới phù hợp với chuyên ngành Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.

- Đề tài luận án phải được tiểu ban chuyên môn thông qua trong quy trình xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 3 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 6 tháng 1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận án.

- Có cam đoan và chữ ký của nghiên cứu sinh về nội dung luận án.

- Cấu trúc luận án đảm bảo tối thiểu gồm các phần sau: Mở đầu; Tổng quan tài liệu nghiên cứu; Kết quả nghiên cứu và các phân tích, lý giải; Kết luận; Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định của đơn vị đào tạo; Danh mục các công trình đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có); Phụ lục (nếu có).

- Tuân thủ các quy định về quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Time New Roman, cỡ chữ 13, không quá 300 trang (không kể phụ lục), trong đó có ít nhất 50 phần trăm số trang trình bày, phân tích và lý giải kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

- Hình thức và cấu trúc của luận án tuân thủ theo quy chế của Đại Quốc gia Hà Nội.

- Bản tóm tắt của luận án phản ánh trung thực cấu trúc và nội dung của toàn văn luận án, phải ghi đầy đủ phân kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3-5 trang bằng tiếng Việt và Tiếng Anh trình bày tóm tắt nội dung chính, kết quả nghiên cứu, đóng góp quan trọng nhất của luận án.

2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

+ Có 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề, rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội

nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; có năng lực đưa ra những đề xuất của chuyên gia đầu ngành với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn; có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới. Cụ thể gồm:

+ Có năng lực chuyên gia về các vấn đề cơ bản của ngành và chuyên ngành, có khả năng tổ chức và triển khai các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy về lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, hoặc tham gia hoạt động thực tiễn chính trị - xã hội ở trình độ chuyên gia về Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam;

+ Có năng lực lãnh đạo, quản lý, triển khai các hoạt động chuyên môn trong các cơ quan nghiên cứu, tổ chức đoàn thể, cơ quan Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội khác có nhu cầu sử dụng tri thức và phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam;

+ Có năng lực tham mưu, tư vấn trong các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước;

+ Có năng lực tổ chức, tham gia tổ chức và thực hiện các công việc ứng dụng phục vụ hoạch định và triển khai các chính sách về nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và lịch sử Đảng bộ các địa phương;

+ Có năng lực để tham gia vào các chương trình nghiên cứu và trao đổi học thuật với các đồng nghiệp trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế, làm việc tại các cơ quan đại diện của nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong nước và nước ngoài, các tổ chức tư nhân;

+ Có năng lực đảm nhiệm các công việc liên quan đến lĩnh vực Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam với sự chủ động, sáng tạo trong công việc và chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bộ phận do mình phụ trách.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

3.1. Kiến thức chung (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

- **PLO1:** Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

3.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

- **PLO 2:** Lý giải các vấn đề của lịch sử bằng cách áp dụng các phương pháp và lý thuyết nghiên cứu của khoa học lịch sử và các ngành khoa học liên quan;

- **PLO 3:** Đánh giá một cách khách quan về một số vấn đề nghiên cứu chuyên sâu của lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- **PLO 4:** Áp dụng một cách hệ thống các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu lịch sử và các phương pháp nghiên cứu liên ngành vào hoạt động nghiên cứu và giảng dạy về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giải quyết các vấn đề học thuật liên quan đến lĩnh vực lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng như các vấn đề của thực tiễn xã hội Việt Nam đương đại

- **PLO 5:** Xác định được các vấn đề then chốt của khoa học lịch sử; hiểu biết sâu về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; quá trình và đặc điểm phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam; các vấn đề cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá của lịch sử Việt Nam; quá trình và đặc điểm lịch sử của khu vực Đông Nam Á và hội nhập của Việt Nam...

3.3. Kiến thức học phần và chuyên đề tiến sĩ

- **PLO 6:** Lý giải ở trình độ chuyên gia các vấn đề lý luận và thực tiễn của chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; tổng hợp được các kiến thức về sự vận dụng và phát triển Chủ nghĩa Mác - Lê nin trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, về các vấn đề quân sự trong 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam, về đường lối phát triển nông nghiệp qua các thời kỳ của Đảng Cộng sản Việt Nam, về quá trình ra đời của Đảng, về Cách mạng tháng Tám và sự ra đời của nhà nước pháp quyền Việt Nam, về thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, về hoạt động đối ngoại của Đảng thời kỳ Đổi mới; có khả năng vận dụng các kiến thức này trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn.

- **POL 7:** Vận dụng các kiến thức chuyên ngành, các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu để triển khai viết tiểu luận tổng quan, các chuyên đề nghiên cứu và luận án tiến sĩ, cũng như trong hoạt động nghiên cứu khoa học khác và hoạt động thực tiễn.

- **POL 8:** Tổ chức nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu chuyên đề một cách rõ ràng, thuyết phục và chuyên nghiệp nhất có thể.

- **POL 9:** Đánh giá, phản biện và tư vấn về những vấn đề lý luận, phương pháp và kết quả nghiên cứu liên quan đến hướng nghiên cứu chuyên đề.

4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

- **PLO 10:** Có kỹ năng vận dụng một cách sáng tạo và độc lập các kiến thức của ngành và chuyên ngành trong nghiên cứu khoa học, giảng dạy và hoạt động thực tiễn.

- **PLO 11:** Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề khoa học phức tạp và đưa

ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề, sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực chuyên môn, có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế.

- **PLO 12:** Có tư duy độc lập, năng lực sáng tạo và các kỹ năng cần thiết: xây dựng triển khai đề án, công bố công trình nghiên cứu, thuyết trình các vấn đề khoa học, viết tổng quan khoa học...

- **PLO 13:** Có khả năng thiết kế, xây dựng, quản lý và triển khai một cách độc lập và sáng tạo các đề tài, dự án nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực nghiên cứu lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; có khả năng tư vấn, đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp phục vụ yêu cầu chính trị, nhu cầu xây dựng và phát triển kinh tế-văn hóa-xã hội của địa phương và đất nước.

5. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

- **PLO 14:** Có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng chia sẻ, trao đổi chuyên môn, tư vấn khoa học và chính sách dựa trên kiến thức mà mình là chuyên gia.

- **PLO 15:** Có khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong các hoạt động chuyên môn.

- **PLO 16:** Có ý thức về đạo đức nghề nghiệp đối với các hoạt động nghiên cứu, tư vấn và tham mưu tích cực, hiệu quả các hoạt động liên quan đến lĩnh vực lịch sử Việt Nam.

- **PLO 17:** Có tinh thần trách nhiệm, làm việc chuyên nghiệp, khoa học, có thái độ liêm chính học thuật và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, hợp tác tích cực trong nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn chính sách..

6. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có khả năng:

- Nghiên cứu và giảng dạy về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, về đường lối cách mạng Việt Nam, về tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, các viện, trung tâm nghiên cứu chuyên sâu về Lịch sử Đảng; nghiên cứu và giảng dạy về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, về đường lối cách mạng Việt Nam, về tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng;

- Làm việc tại các cơ quan nghiên cứu và biên soạn Lịch sử Đảng ở trung ương và địa phương; làm việc tại các ban chuyên môn của Đảng ở trung ương và địa phương;

- Làm việc trong các cơ quan báo chí và truyền thông, làm biên tập trong các cơ quan xuất bản;

- Làm việc tại các cơ quan trong hệ thống chính trị có sử dụng kiến thức lịch sử.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có khả năng tiếp tục tự nghiên cứu, tự học tập, cập nhật kiến thức về lý luận, phương pháp và thực tiễn phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực hành lịch sử.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1 Đối với NCS có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	100 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiến sĩ:	12 tín chỉ
+ Bắt buộc:	06 tín chỉ
+ Tự chọn:	06 tín chỉ/18 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: 08 tín chỉ	
+ Chuyên đề tiến sĩ:	06 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	02 tín chỉ
+ Nghiên cứu khoa học (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- Luận án tiến sĩ:	80 tín chỉ

1.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Người học phải hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	130 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần bổ sung:	30 tín chỉ
+ Bắt buộc:	16 tín chỉ
+ Tự chọn:	14 tín chỉ/ 30 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ:	12 tín chỉ

- + Bắt buộc: 06 tín chỉ
- + Tự chọn: 06 tín chỉ/18 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: **08** tín chỉ
 - + Chuyên đề tiến sĩ: 06 tín chỉ
 - + Tiểu luận tổng quan: 02 tín chỉ
 - + Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
- Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*).
- Luận án tiến sĩ: **80** tín chỉ

2. Khung chương trình

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Các học phần tiến sĩ		12				
I.1	Các học phần bắt buộc		6				
1	HIS8059	Một số vấn đề về thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>Major Issues of the Transitional Period to Socialism in Vietnam</i>	3	40	10	100	
2	HIS8047	Đảng với quá trình xây dựng mô hình kinh tế tổng quát trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>The Party with the process of building a general economic model during the transition to socialism in Vietnam</i>	3	40	10	100	
I.2	Các học phần tự chọn		6/18				
3	HIS8136	Đường lối phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng qua các thời kì cách mạng <i>Vietnam Communist Party's</i>	3	40	10	100	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Agricultural Development Paths through Revolutionary Stages</i>					
4	HIS8163	Hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kì Đổi Mới <i>Foreign Policies of the Communist Party and the State of Vietnam during the Reform</i>	3	40	10	100	
5	HIS8161	Sự hình thành nhà nước pháp quyền Việt Nam 1945-1946 <i>The Formation of Legal State in Vietnam, 1945-1946</i>	3	40	10	100	
6	HIS8160	Hồ Chí Minh với sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Ho Chi Minh and the Formation of Vietnam Communist Party</i>	3	40	10	100	
7	HIS8032	Một số vấn đề quân sự trong 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975) <i>Military Issues during 30 Years of Vietnamese Revolutionary War (1945-1975)</i>	3	40	10	100	
8	HIS8034	Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng và phát triển học thuyết Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam <i>Vietnam Communist Party's Development and Application of Marxism and Leninism into the Vietnamese Revolutionary Reality</i>	3	40	10	100	
II	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
II.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
9	HIS8012	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
10	HIS8013	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
11	HIS8014	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	0	0	100	
II.2	Tiểu luận tổng quan		2				
12	HIS8387	Tổng quan về tình hình nghiên cứu <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	
II.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định. Đơn vị đào tạo bố trí cho nghiên cứu sinh trong quá trình làm luận án tham gia các hoạt động đào tạo tại đơn vị như giảng dạy, trợ giảng, hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp.						
IV	Luận án		80				
13	HIS9009	Luận án Tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	80	0	0	4000	
Tổng cộng			100				

2.1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Học phần bổ sung		30				
I.1	Các học phần bắt buộc		16				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	HIS6167	Một số vấn đề cơ bản về lý luận sử học <i>Major Issues of Historiographical Theory</i>	3	40	10	100	
3	HIS6202	Quá trình phát triển các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam <i>Process of Socio-Economic Forms in Vietnamese History</i>	3	40	10	100	
4	HIS6168	Đông Nam Á và quá trình hội nhập của Việt Nam	3	40	10	100	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Southeast Asia and the Integration of Vietnam</i>					
5	HIS6540	Vấn đề biên giới, lãnh thổ và chủ quyền biển đảo của Việt Nam – Từ lịch sử đến hiện tại <i>The Issues of Maritime, Territorial Boundary and Sovereignty of Vietnam: From Past to Present</i>	3	40	10	100	
I.2	Các học phần tự chọn		14/30				
6	HIS6199	Khảo cổ học và/với di sản <i>Archaeology and Heritage</i>	3	40	10	100	
7	HIS6553	Tính thống nhất và đa dạng trong văn hóa Việt Nam <i>Unity and Diversity of Vietnamese Culture</i>	3	40	10	100	
8	HIS6275	Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng <i>The National and Democratic Revolutionary Path of the Communist Party of Vietnam</i>	2	25	10	65	
9	HIS6234	Đường lối quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam <i>The Communist Party of Vietnam's Lines for the Transition to Socialism in Vietnam</i>	2	25	10	65	
10	HIS6236	Đảng với vấn đề ruộng đất và nông nghiệp, nông thôn qua các thời kì cách mạng <i>The Communist Party of Vietnam and the Land and Agriculture Issues through the Revolutionary Periods</i>	2	25	10	65	
11	HIS6439	Một số vấn đề trong quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh lạnh và tác động đối với Việt Nam <i>Major Issues of International Relations in Southeast Asia after the Cold War and the</i>	2	25	10	65	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>impact on Vietnam</i>					
12	HIS6179	Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh ngoại giao và vận động quốc tế trong 30 năm chiến tranh Cách mạng Việt Nam <i>The Communist Party of Vietnam's Leadership in Diplomatic Front and International Mobilization during the Vietnam Revolutionary War (1945-1975)</i>	2	25	10	65	
13	HIS6238	Đảng lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị qua các thời kỳ cách mạng <i>The Communist Party of Vietnam's Leadership in Building the Political System through the Revolutionary Periods</i>	2	25	10	65	
14	HIS6339	Đảng lãnh đạo phát triển văn hóa - giáo dục và khoa học - công nghệ <i>The Party's leadership in the Development of Culture, Education, Science, Technology</i>	2	25	10	65	
15	HIS6340	Đảng lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo <i>The Communist Party of Vietnam's Leadership in Ethnic and Religious Policies</i>	2	25	10	65	
16	HIS6341	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Research Methods in Research and Teaching of the History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	25	10	65	
17	HIS6430	Hồ Chí Minh với con đường giải phóng và phát triển dân tộc Việt Nam <i>Ho Chi Minh and the Paths of</i>	2	25	10	65	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>National Liberation and Development of Vietnam</i>					
18	HIS6342	Đường lối xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và tập hợp lực lượng quốc tế của Đảng Cộng sản Việt Nam <i>The Communist Party of Vietnam's Guideline for the Building of the National Solidarity and the Mobilization of International Forces</i>	2	25	10	65	
19	HIS6635	Đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Đảng Cộng sản Việt Nam <i>The Path to Industrialization and Modernization of the Communist Party of Vietnam</i>	2	25	10	65	
II	Các học phần tiên sĩ		12				
II.1	Các học bắt buộc		6				
20	HIS8059	Một số vấn đề về thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>Major Issues of the Transitional Period to Socialism in Vietnam</i>	3	40	10	100	
21	HIS8047	Đảng với quá trình xây dựng mô hình kinh tế tổng quát trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>The Party with the Process of Building a General Economic Model during the Transition to Socialism in Vietnam</i>	3	40	10	100	
II.2	Các học phần tự chọn		6/18				
22	HIS8136	Đường lối kinh tế nông nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kì cách mạng. <i>The Agricultural Development Guidelines of the Communist Party of Vietnam through Revolutionary Stages</i>	3	40	10	100	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
23	HIS8163	Hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kì Đổi Mới <i>Foreign Policies of the Communist Party and State of Vietnam in the Reform Era</i>	3	40	10	100	
24	HIS8161	Sự hình thành nhà nước pháp quyền Việt Nam 1945-1946 <i>The Formation of Legal State in Vietnam, 1945-1946</i>	3	40	10	100	
25	HIS8160	Hồ Chí Minh với sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Ho Chi Minh and the Formation of Vietnam Communist Party</i>	3	40	10	100	
26	HIS8032	Một số vấn đề quân sự trong 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975) <i>Military Issues during 30 Years of Vietnamese Revolutionary War (1945-1975)</i>	3	40	10	100	
27	HIS8034	Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng và phát triển học thuyết Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam <i>The Communist Party of Vietnam's Development and Application of Marxism and Leninism into the Vietnamese Revolutionary Reality</i>	3	40	10	100	
III	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
III.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
28	HIS8012	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
29	HIS8013	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	
30	HIS8014	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	0	0	100	
III.2	Tiểu luận tổng quan		2				
31	HIS8387	Tổng quan về tình hình nghiên cứu	2	0	0	100	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Overview of Literature</i>					
III.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định. Đơn vị đào tạo bố trí cho nghiên cứu sinh trong quá trình làm luận án tham gia các hoạt động đào tạo tại đơn vị như giảng dạy, trợ giảng, hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp.						
V	Luận án		80				
31	HIS9009	Luận án Tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	80	0	0	4000	
Tổng cộng			130				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá